

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 180/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12- 6 - 2020

*Trang chấp về ly hôn và tranh
chấp nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ngân
2. Ông Nguyễn Đình Phùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Tòa án.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/2020/TLST- HNGĐ, ngày 11/3/2020 tranh chấp về “*ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thùy H, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: tổ 13, ấp Hòa B3, xã HL, huyện PT, tỉnh An Giang. (hiện nay cư trú tại tổ 1, ấp Hiệp H, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang). (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: tổ 13, ấp Hòa B3, xã HL, huyện PT, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 15/5/2020 thì chị Trương Thị Thùy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên anh chị được người Bác bà con làm mai mối với nhau và tìm hiểu một thời gian khoảng 03- 04 tháng, được cha, mẹ hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HL, huyện PT, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do: bất đồng quan điểm trong cuộc sống khi vợ chồng đi lao động nước ngoài tại Đài Loan (Trung Quốc) thời hạn 02 năm; sau đó hết hạn vào tháng 6 năm 2018 về nước tiếp tục làm công nhân tại tỉnh Long An; bất đồng quan điểm trong cuộc sống khi vợ chồng làm công nhân tại TP Hồ Chí Minh liên quan đến tiền bạc trong sinh hoạt vợ chồng, chị cho rằng anh Sỉ thường xuyên cờ bạc đá gà vào những ngày nghỉ chủ nhật hàng tuần,

không lo làm ăn; nhiều lần anh S đánh chửi, mắng chị nên vào tháng 9/2019 chị không thể chung sống chung với anh S ở nhà trọ nữa mà dời chỗ khác ở nhưng nhiều lần anh S liên hệ điện thoại cứ chửi mắng làm phiền chị. Thời gian đó chị chồng có hàn gắn nên anh chị chung sống lại với nhau vào giữa tháng 10/2019, sống được thời gian 01 tháng nhưng anh S không thấy sửa đổi nên chị tiếp tục về nhà trọ với anh trai ở cho đến nay. Chị cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về quan hệ con chung: quá trình chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thu L, sinh ngày 19/4/2008 và Nguyễn Nhật L, sinh ngày 16/12/2015 hiện đang sống với chị. Nay chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về quan hệ tài sản chung: khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ phải thu, phải trả: khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 15/5/2020 thì bị đơn anh Nguyễn Minh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước đây được người Bác bà con làm mai mối với nhau và tìm hiểu khoảng 3- 4 tháng; được cha, mẹ đồng ý có tổ chức lễ cưới vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HL. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do: bất đồng quan điểm trong cuộc sống khi vợ chồng đi lao động nước ngoài tại Đài Loan (Trung Quốc) thời hạn 02 năm; sau đó hết hạn vào tháng 6 năm 2018 về nước tiếp tục làm công nhân tại tỉnh Long An, lúc đó anh lấy số tiền tiết kiệm được của vợ chồng đưa cho bà con cô cậu mượn làm ăn nhưng không trả lại tiền cho vợ chồng nên phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc của vợ chồng; hàng ngày vợ chồng chung sống cự cãi nhau thường xuyên từ chuyện nhỏ đến chuyện lớn, trong lúc cự cãi nhau anh có chửi thề với chị H; có thời gian chị H bỏ nhà trọ đi chỗ khác ở 02 lần (một lần tại Cầu Sáng thời gian 01- 02 tháng về chung sống lại; sau đó khoảng 01 tháng thì tiếp tục bỏ nhà trọ đi chỗ khác sống riêng, không còn chung sống với anh); Anh thừa nhận có nuôi gà và người bạn sống kế bên nhà trọ có kêu anh đi chơi đá gà nhưng anh lâu lâu mới đi chơi đá gà 01 lần, cũng không ăn thua tiền bạc gì chỉ vui chơi ăn nhậu với nhau được vài bữa lần. Thời gian ly thân anh có liên hệ với vợ năn nỉ để chung sống lại với nhau nhưng chị H không đồng ý và chính thức ly thân vào giữa tháng 10/2019 cho đến nay. Nay chị H cương quyết ly hôn thì anh không đồng ý, anh cho rằng chuyện mâu thuẫn gia đình của vợ chồng không đến nỗi phải ra Tòa án xin ly hôn.

Về quan hệ con chung: anh xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thu L, sinh ngày 19/4/2008 và Nguyễn Nhật L, sinh ngày 16/12/2015 hiện đang sống với chị H. Nay chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung thì anh không đồng ý do không đồng ý ly hôn với chị H nên không có ý kiến hay yêu cầu gì về 02 con chung; trường hợp yêu cầu của chị H được Tòa án chấp nhận ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về quan hệ tài sản chung: khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ phải thu, phải trả: khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về hình thức, thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Trương Thị Thùy H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về “*ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: tổ 13, ấp Hòa B3, xã HL, huyện PT, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

1.3 Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Minh S có đơn đề nghị xin vắng mặt phiên tòa nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thùy H và anh Nguyễn Minh S có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 159/2007, ngày 31-12-2007 do UBND xã HL, huyện PT, tỉnh An Giang cấp cho anh chị) đây là hôn nhân được pháp luật bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra. Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập từ năm 2007 trên cơ sở mai mối và tìm hiểu nhau tiến tới chung sống với nhau, thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cự cãi thường xuyên, quan điểm trong cuộc sống hằng ngày; cự cãi nhau trong sinh hoạt gia đình chị H cho rằng anh S ăn chơi cờ bạc có khuyến khích nhiều lần như không bỏ, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau về kinh tế, tiền bạc trong cuộc sống và nhiều lần anh S đánh chửi mắng chị và cho anh S cơ hội chung sống lại với nhau nhưng anh S vẫn không thay đổi; anh S cũng thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như lời trình bày của chị H, thời gian ly thân anh có liên hệ với chị H năn nỉ để chung sống lại với nhau nhưng chị H không đồng ý và chính thức ly thân vào giữa tháng 10/2019 cho đến nay. Thời gian ly thân anh chị không tạo điều kiện để hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; anh chị đã được gia đình hàn gắn 01 lần nhưng cuộc sống anh chị tiếp tục phát sinh mâu thuẫn; mỗi người đi làm thuê xa nhà, mỗi người ở một nơi khác nhau không còn chung sống với nhau; đồng thời chị H cương quyết ly hôn với anh S nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2 Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh chị xác nhận có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thu L sinh ngày 19/4/2008 và Nguyễn Nhật L, sinh ngày 16/12/2015 hiện đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung; anh S cho rằng trường hợp yêu cầu của chị H được Tòa án chấp nhận ly

hôn thì anh đồng ý giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Xét từ thời gian anh chị ly thân cho đến nay cháu Nguyễn Thị Thu L, sinh ngày 19/4/2008 đang học lớp 6, trường Trung học cơ sở HX và cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày 16/12/2015 đều được chị H và cha, mẹ ruột chị Hương trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và ăn học ổn định nên HĐXX chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung của chị H và phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Thu L muốn sống với mẹ tại bản tự khai ngày 7/5/2020 gửi cho Tòa án theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đáng lẽ anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định nhưng chị H tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của chị H, do đó anh S chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của các con chung thời gian sau này mà chị H nuôi dưỡng không đảm bảo thì anh S có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

2.3 Về quan hệ tài sản chung và nợ phải thu, phải trả: anh chị thống nhất khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ, chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí DSST: Chị Trương Thị Thùy H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Thùy H và anh Nguyễn Minh S có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thùy H đối với anh Nguyễn Minh S.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trương Thị Thùy H được ly hôn với anh Nguyễn Minh S.

2. Về quan hệ con chung:

2.1 Giao 02 người con tên Nguyễn Thị Thu L, sinh ngày 19/4/2008 và Nguyễn Nhật L, sinh ngày 16/12/2015 cho chị Trương Thị Thùy H được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc đến thành niên hoặc tự lập được; chị Trương Thị Thùy H tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Minh S cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2 Chị Trương Thị Thùy H trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở mà phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh Nguyễn Minh S đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2.3 Vì lợi ích của con chung khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí DSST:

3.1 Chị Trương Thị Thùy H phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006589 ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

3.2 Anh Nguyễn Minh S không phải chịu án phí.

Chị Trương Thị Thùy H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Minh S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện PT;
- Chi cục THADS huyện PT;
- UBND xã HL; huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thành Thuận